

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Án số: 161/2017/HSST

Ngày 03 tháng 10 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà **Nguyễn Thị Xuân Huyền**

Hội thẩm nhân dân: **- Bà Phạm Thị Thu.**
 - Ông Vũ Tiến Thịnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Khánh Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa : Bà **Vũ Thị Lan Anh** - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình.

Ngày 03 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình , tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 154/2017/HSST ngày 19 tháng 9 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2017/QĐXX-ST ngày 20 tháng 09 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **PHẠM VĂN K** – Sinh ngày 02/9/1977.

ĐKHK và chỗ ở: Tổ 7, phường H, thành phố T, tỉnh T.

Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Phạm Văn K (đã chết); Con bà: Trần Thị H - Sinh năm 1952.

Gia đình có 04 anh, chị em, bị cáo là con thứ hai.

**Tiền sự*: Không.

* *Tiền án*: Bản án số 33/2014/HSST ngày 19/2/2014 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt Phạm Văn K 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 10/10/2013. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/12/2015; chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự ngày 03/6/2014.

* *Nhân thân*:

- Ngày 02/11/1998 bị Công an thị xã T (nay là Công an Thành phố T) xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân”.

- Ngày 06/01/2006 Công an xã H, Thành phố T (nay là phường H) xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Ngày 19/7/2006 bị Tòa án nhân dân Thành phố T xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 13/4/2006. Chấp hành xong hình phạt tù vào tháng 4/2008; chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự vào năm 2009.

- Ngày 23/7/2008, bị đưa vào Trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội Thành phố T theo quyết định số 1811 ngày 23/7/2008 của Chủ tịch UBND Thành phố T do nghiện ma túy. Chấp hành xong ngày 25/7/2009.

- Ngày 07/12/2009 bị đưa vào Trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội Thành phố T theo quyết định 2779 ngày 07/12/2009 của Chủ tịch UBND Thành phố T do nghiện ma túy kể từ ngày đưa vào lưu trú tại Trung tâm từ ngày 30/11/2009. Chấp hành xong ngày 30/11/2010.

- Ngày 01/3/2012, bị đưa vào Trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội Thành phố T theo quyết định số 256 ngày 01/3/2012 của Chủ tịch UBND Thành phố T do nghiện ma túy. Chấp hành xong ngày 13/3/2013.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 25/7/2017 đến ngày 28/7/2017 chuyển tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Đình T - SN 1984; Trú tại: SN 37, tổ 02, phường Đ, thành phố T, tỉnh T. (*Vắng mặt*)

- Ông Lê Xuân T - SN 1962; Trú tại: SN 10, ngõ 64, đường B, tổ 15, phường T, thành phố T, tỉnh T. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 24/7/2017, Phạm Văn K đi xe taxi từ nhà đến khu vực chợ B, phường B, thành phố T với mục đích mua ma túy về sử dụng. Khi đến nơi K yêu cầu người lái xe taxi ngồi chờ, còn K xuống xe, đi bộ lang thang thì gặp 01 người nam giới tên H, khoảng 35 tuổi (K không biết tên và địa chỉ của H) mà trước đó K đã mua ma túy. K hỏi và mua H 200.000 đồng được 01 gói ma túy, được gói trong túi nilon màu trắng bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng. Sau đó, K cất dấu gói ma túy trong túi quần bên phải rồi tiếp tục lên xe taxi đi đến khu vực chân cầu B, tổ 09, phường H, thành phố T thì xuống xe và đi bộ tìm chỗ sử dụng ma túy. Khi K đi bộ tại khu vực này thì bị tổ công tác của Công an thành phố T phát hiện K có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên đã yêu cầu kiểm tra. Trước sự làm chứng là anh Lê Xuân T - SN 1962; Trú tại: Số nhà 10, ngõ 64, đường B, tổ 15, phường T, thành phố T và anh Nguyễn Đình T - SN 1984; Trú tại: SN 37, tổ 02, phường Đ, thành phố T K đã tự giác lấy từ túi quần bên phải ra giao nộp cho tổ công tác 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (K khai nhận là ma túy đá vừa mua để sử dụng). Tổ công tác đã tiến hành niêm phong gói ma túy, yêu cầu K và mời người làm chứng về trụ sở Công an thành phố T để kiểm tra người K. Tại Công an thành phố T, tổ công tác kiểm tra người K, thu tại túi quần bên trái số tiền 10.000 đồng. Ngoài số tài sản trên, tổ công tác không phát hiện thu giữ bất kỳ đồ vật, tài sản gì khác của K. Sau đó tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản niêm phong vật chứng.

Bản kết luận giám định số 322/KLGD-PC54 ngày 25/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “*Chất tinh thể màu trắng trong phong bì niêm phong ghi: Vật chứng thu giữ của Phạm Văn K, sinh năm 1977, trú tại tổ 07,*

phường H, thành phố T, ngày 24/7/2017 là ma túy, loại Methamphetamin có trọng lượng là 1,3876 gam ”.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, Phạm Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 162/KSĐT ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Phạm Văn K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Phạm Văn K về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1- Điều 194; điểm p, khoản 1, khoản 2 - Điều 46; điểm g, khoản 1 - Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm c, khoản 3, Điều 7; khoản 1 - Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Phạm Văn K mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 25/7/2017.

- Về vật chứng của vụ án:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; Tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu xin lại số tiền 10.000 đồng của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội mà đề nghị sung công quỹ Nhà nước.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 23 giờ 15 phút ngày 24/7/2017 (bút lục số 03 - 04); Biên bản niêm phong vật chứng (bút lục số 22); Kết luận giám định số 322/KLGD - PC54 ngày 25/7/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (bút lục số 25); bản tự khai của người làm chứng (bút lục số 50 - 53).

Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Ma túy là vật cấm lưu hành, không những làm sa sút về sức khỏe trí tuệ con người mà nó còn làm hủy hoại đạo đức nhân cách con người, là tác nhân lan truyền đại dịch HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác gây ảnh hưởng đến trật tự trị an.

Bị cáo đã có hành vi cố ý tàng trữ trái phép ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân. Theo Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình thì số ma túy bị cáo tàng trữ là loại Methamphetamine, trọng lượng **1,3876 gam**. Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;...”

Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm là cao hơn so với mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào những quy định có lợi cho bị cáo do thay đổi chính sách pháp luật Hình sự của Nhà nước theo Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Điều 7, khoản 3; Điều 249, khoản 1 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Và căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra như vậy mới có tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo, phòng ngừa chung, nhưng khi lượng hình xem xét cân nhắc giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

Xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

- Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, khoản 1, Điều 46 BLHS, ngoài ra bố bị cáo là ông Phạm Văn K được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 - Điều 46 BLHS.

- Bị cáo có 01 tiền án năm 2014 bị Tòa án nhân dân Thành phố Thái Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 10/10/2013. Chấp hành xong hình phạt tù và trách nhiệm dân sự. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu đã có thời gian đưa vào Trung tâm Chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội Thành phố Thái Bình để cai nghiện bắt buộc và có những lần bị xử phạt hành chính, cảnh cáo về các hành vi phạm tội, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học và sửa chữa, rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình vào ngày 24/7/2017 mua số lượng ma túy để tiếp tục sử dụng cho bản thân.

Vì vậy HĐXX xem xét cần áp dụng điểm g, khoản 1 - Điều 48 BLHS và cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về vật chứng vụ án:

- Về nguồn gốc số ma túy, theo K khai mua của một người nam giới khoảng 35 tuổi, tên là H ở khu vực chợ B, phường B, thành phố T, nhưng K không biết địa chỉ và tên họ đầy đủ của người này. Quá trình điều tra xác định, tại khu vực chợ B, phường B, thành phố T không có người đàn ông nào tên H, khoảng 35 tuổi, có biểu hiện mua bán trái phép chất ma túy, nên Cơ quan Điều tra không có đủ cơ sở để kết luận.

- Ngoài hành vi phạm tội bị bắt quả tang ngày 24/7/2017, quá trình điều tra K còn khai nhận vào ngày 23/7/2017, K đã mua 01 gói ma túy đá của người đàn ông tên H ở khu vực chợ B, phường B, thành phố T và đã sử dụng hết. K không biết trọng lượng của gói ma túy này, K đi mua và sử dụng ma túy một mình không ai biết và cùng tham gia nên không đủ căn cứ để xử lý đối với K về hành vi này.

- Đối với số tiền 10.000 đồng khi bị bắt cơ quan Điều tra đã thu giữ cơ quan điều tra lấy lời khai và tại phiên tòa bị cáo đều khai số tiền không liên quan đến hành vi phạm tội và bị cáo đề nghị sung công quỹ Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn K phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1- Điều 194; điểm p, khoản 1, khoản 2 - Điều 46; điểm g, khoản 1 - Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết

41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và Điều 7, khoản 3; Điều 249, khoản 1, điểm c Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 25/7/2017.

3. Về xử lý vật chứng : Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự ; Điều 41 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy trong vụ án được hoàn lại sau giám định trong phong bì niêm phong số 322/KLGĐ.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 10.000 đồng do bị cáo đề nghị sung công quỹ Nhà nước.

4. Về án phí : Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Văn K phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 03/10/2017./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Huyền

